TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-PT
Ngày 06/3/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Xuân;
Ông Nguyễn Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Lục Chí Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 6/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2020/TLPT-HS ngày 08/01/2020 đối với bị cáo Vàng Văn T do có kháng cáo của bị cáo Vàng Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BQ.

Bị cáo có kháng cáo: **Vàng Văn T**, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2001 tại huyện BQ, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn Khuổi Phạt, xã VH, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Đức D, sinh năm 1974 và bà Sải Thị L5, sinh năm 1977; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại thôn Khuổi Phạt, xã VH, huyện BQ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Vàng Văn T: bà Nguyễn Thị TT- Là trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

Trong vụ án còn có các bị cáo Đào Văn L1, Trần Đại L2, Lý Văn Đ cùng bị hại Nguyễn Anh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/3/2019, Đào Văn L1 đã gọi điện thoại cho Vàng Văn T và hẹn T đến quán nước, sau đó T có goi Đ cùng đi; Tại quán nước L1 kể cho T và Đ biết việc L1 có mâu thuẫn với nhau Nguyễn Anh T2, đồng thời Lợi nhờ T và Đ giúp tìm mua thuốc nổ để nổ đe dọa T2. T đồng ý và gọi điện thoại cho Trần Đại L2 hỏi có biết chỗ nào bán mìn không thì được L2 trả lời cứ lấy tiền xuống L2 làm cho (*chế tạo vật liệu nổ cho*), mỗi quả là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Sau khi T gọi điện thoại xong cho L2, T trao đổi lại nội dung cuộc gọi cho Lợi, Lợi đưa cho T 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* để mua vật liệu nổ, T lấy 02 vỏ chai bia Hà Nội ở cửa quán nước đưa cho Đ cùng với số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* vừa nhận từ L1. Đ đến gặp L2 và được L2 vừa làm vừa hướng dẫn Đ tạo ra 02 chai vật liệu nổ và đưa Đ , Đ đưa cho L2 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, L2 chỉ lấy 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* đưa lại cho Đ 100.000đ *(Một trăm nghìn đồng)*. Đ cầm hai chai chứa thuốc nổ quấn vào một chiếc áo khoác màu đen về đưa cho T cất và trong buồng ngủ rồi cả 3 cùng ăn cơm; Ăn cơm xong L1, Đ , T đi đến quán nước Diu - Tin (*Khi đi Lợi cầm theo 02 chai chứa thuốc nổ)* rồi Lợi gọi điện thoại cho T2 và nói *"Tối nay tao sẽ cho mày biết"*. Sau đó cả ba đi về nhà L1.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, L1 cho 01 chai vật liệu nổ vào túi áo khoác, 01 chai giấu trong người rồi cùng T và Đ đi đến nhà T2 tại thôn Thạch Bàn, xã HA, huyện BQ, quan sát 2 đến 3 lần thấy không có ai nên L1 cầm chai có chứa thuốc nổ đặt trên miệng cống mép sân nhà T2 giáp với đường Quốc lộ, L1 dùng bật lửa đốt 02 đến 03 lần nhưng không nổ, nên L1 quay lại bảo T gọi điện cho L2 thì được L2 hướng dẫn cách nổ; rồi cả ba quay lại đi về hướng nhà Nguyễn Anh T2. Khi đi đến cách nhà T2 T xuống xe đứng chờ còn L1 và Đ đi đến gần vị trí đặt chai thuốc nổ ban đầu, L1 xuống xe cầm 02 *(hai)* chai đi đến vị trí nắp cống *(vị trí đã đặt chai trước đó)*. Đặt chiếc chai thủy tinh đã được nén thuốc nổ nằm trên nắp cống, rắc thuốc nổ trong chai còn lại xung quanh phần đầu chai đã nén thuốc nổ rồi dùng bật lửa châm đốt vào phần thuốc nổ đã rắc vào xung quanh chai trước đó.

Sau khi đốt xong L1 lên xe cùng Đ đi được khoảng 20m thì nghe thấy tiếng nổ tại vị trí L1 vừa đặt chai chứa thuốc nổ tại sân nhà T2. Đ điều khiển xe máy chở L1 quay lại đón T rồi đưa L1, T về nhà, sau đó L1 bỏ trốn.

Tại bản kết luận giám định số: 135/KL-PC09 ngày 16/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Hà Giang kết luận: Chất màu đen bám dính trên các mảnh thủy tinh và các mảnh băng dính thu tại hiện trường gửi giám định ký hiệu M1, M3, M4, M5, M6, M7, M9, M10, M12, M13, M14 là sản phẩm của thuốc nổ, có hỗn hợp các chất gồm: $KCLO_3$ (kaliclorat), S (lưu huỳnh), C (các bon).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BQ đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Đào Văn L1, Trần

Đại L2, Đ, Vàng Văn T phạm tội "Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vật liệu nổ". Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vàng Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngày 12/12/2019 bị cáo Vàng Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vàng Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là hành vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo chưa đủ suy nghĩ chín chắn, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đã dẫn đến hành vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét thấy kháng cáo của bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận, vì trong vụ án này bị cáo đứng vai trò thứ yếu là người giúp sức tích cực, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, có nhân thân tốt phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, xử giữ nguyên mức án và cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa cho cáo T có ý kiến đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị được hưởng án treo, để bị cáo cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tiếp tục theo học tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Vàng Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản thư giữ vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định số 135/KL-PC09 ngày 16/3/2019, kết luận giám định số 134/KL/PC09 ngày 29/3/2019, kết luận giám định số 170/KL/PC09 ngày 21/4/2019 cuả Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, và những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Sử dụng trái phép vật liệu nổ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự.

Xét vai trò trong vụ án này bị cáo T đóng vai trò thứ yếu sau các bị cáo khác, là người thực hành, người giúp sức tích cực trong việc sử dụng trái phép vật liệu nổ. Tuy nhiên tại bản án hình sự sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BQ đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Vàng Văn T

phạm tội *"Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vật liệu nổ"* theo khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Vì bị cáo Vàng Văn T chỉ có hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ, do vậy bị cáo T chỉ phạm tội *"Sử dụng trái phép vật liệu nổ"* theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo T:

Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do; Bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là hành vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo chưa đủ suy nghĩ chín chắn, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên đã dẫn đến có hành vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo tỏ ra ăn năm hối cải, bị cáo trình bày do hoàn cảnh gia đình bị cáo đã nghỉ học và năm nay bị cáo tiếp tục theo học hết chương trình. Do vậy đề nghị xử cho bị cáo được án treo để có thời tiếp tục học tập. Ngoài ra bị cáo không xuất trình thêm các chứng cứ nào. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quá trình điều tra bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tính đến ngày xét xử phúc thẩm bị cáo đã đủ 18 tuổi, tuy nhiên tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 Bộ luật hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 2, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 01 (một) năm tù, là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự bàn bạc phân công cụ thể mà cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T đóng vai trò thứ sau các bị cáo khác, là người giúp sức tích cực.

Xét thấy bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ đó là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội là người chưa thành niên, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế khó khăn, khả năng nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội còn hạn chế. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho biết trong thời gian tới tiếp tục theo học. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tiếp tục học tập nâng cao nhận thức pháp luật. Có như vậy cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vàng Văn T. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày

29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BQ, về biện pháp chấp hành phạt tù, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo Vàng Văn T được hưởng án treo.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Vàng Văn T được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Vàng Văn T. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 61/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện BQ, về biện pháp chấp hành phạt tù, giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo Vàng Văn T được hưởng án treo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 305; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Điều 65 Bộ luật hình sự; Tuyên bố bị cáo Vàng Văn T phạm tội: " sử dụng trái phép vật liệu nổ". Xử phạt bị cáo Vàng Văn T 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã VH, huyện BQ, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội: Bị cáo Vàng Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện BQ;
- Công an huyện BQ;
- Tòa án nhân dân huyện BQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án huyện BQ;
- Sở tư pháp HG;
- Lưu hs.

Hoàng Văn Tiến